

BỘ CÔNG THƯƠNG**BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2015/TT-BCT

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi
và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực; thời hạn và mẫu của giấy phép hoạt động điện lực.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia các lĩnh vực hoạt động điện lực sau:

1. Tư vấn chuyên ngành điện lực, bao gồm:

a) Tư vấn quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; Tư vấn quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tư vấn quy hoạch thủy điện;

b) Tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện; Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp;

c) Tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy điện; Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp.

2. Phát điện.

3. Truyền tải điện.

4. Phân phối điện.

5. Bán buôn điện.

6. Bán lẻ điện.

7. Xuất, nhập khẩu điện.

Điều 3. Trường hợp miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực

1. Phát điện để tự sử dụng không bán điện cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Phát điện có công suất lắp đặt dưới 50 kW để bán điện cho tổ chức, cá nhân khác.

3. Kinh doanh điện tại vùng nông thôn, miền núi, hải đảo mua điện với công suất nhỏ hơn 50 kVA từ lưới điện phân phối để bán điện trực tiếp tới khách hàng sử dụng điện tại vùng nông thôn, miền núi, hải đảo.

4. Điều độ hệ thống điện quốc gia và điều hành giao dịch thị trường điện lực.

Điều 4. Nguyên tắc cấp giấy phép hoạt động điện lực

1. Giấy phép hoạt động điện lực chỉ cấp cho tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện đối với từng lĩnh vực được quy định tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và tuân thủ quy định tại Thông tư này.

2. Giấy phép hoạt động điện lực được cấp cho tổ chức, cá nhân để thực hiện một hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động điện lực sau: Tư vấn chuyên ngành điện lực, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và xuất, nhập khẩu điện.

3. Trước giai đoạn thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực bán lẻ điện được cấp đồng thời với lĩnh vực phân phối điện.

4. Giấy phép phát điện được cấp cho tổ chức để thực hiện hoạt động phát điện đối với từng nhà máy điện.

Điều 5. Nguyên tắc thu hồi giấy phép hoạt động điện lực

1. Giấy phép hoạt động điện lực bị thu hồi trong trường hợp sau:

a) Đơn vị điện lực vi phạm Điều 37 Luật Điện lực;

b) Đơn vị điện lực có nhu cầu ngừng hoạt động hoặc chuyển giao hoạt động được cấp phép cho đơn vị khác;

c) Khi có đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đơn vị điện lực vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Giấy phép hoạt động điện lực bị thu hồi theo từng lĩnh vực, phạm vi hoạt động.

3. Cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của mình.

Điều 6. Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực

Giấy phép hoạt động điện lực được cấp có thời hạn khác nhau cho các lĩnh vực hoạt động điện lực căn cứ vào phạm vi hoạt động, loại công trình điện, thời hạn đăng ký, năng lực, trình độ chuyên môn của đơn vị hoạt động điện lực nhưng không vượt quá thời hạn được quy định ở Bảng sau:

TT	Lĩnh vực hoạt động điện lực	Thời hạn tối đa của giấy phép
1	Tư vấn chuyên ngành điện lực	05 năm
2	Phát điện	
a)	Các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	20 năm
b)	Các nhà máy điện không thuộc danh mục các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	10 năm
3	Truyền tải điện	20 năm
4	Phân phối điện	10 năm
5	Bán buôn, bán lẻ điện	10 năm
6	Xuất, nhập khẩu điện	10 năm

Điều 7. Phạm vi hoạt động của giấy phép hoạt động điện lực

1. Giấy phép tư vấn chuyên ngành điện lực có phạm vi hoạt động trong cả nước.

2. Giấy phép phát điện có phạm vi hoạt động cho từng nhà máy điện.

3. Giấy phép truyền tải điện, phân phối điện có phạm vi hoạt động trong phạm vi quản lý, vận hành lưới điện cụ thể.

4. Giấy phép bán buôn điện, bán lẻ điện có phạm vi hoạt động theo phạm vi địa giới hành chính cụ thể.

5. Giấy phép xuất, nhập khẩu điện có phạm vi hoạt động theo phạm vi cụ thể của điểm giao nhận điện năng.

Điều 8. Phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động điện lực phải nộp phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật.
2. Cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực được sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực để phục vụ cho công tác thẩm định, cấp giấy phép, kiểm tra và quản lý sử dụng giấy phép hoạt động điện lực. Việc thu, nộp và sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương II**HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC****Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tư vấn chuyên ngành điện lực**

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.
3. Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý, chuyên gia tư vấn chính theo Mẫu 7a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề và hợp đồng lao động đã ký của người có tên trong danh sách với tổ chức tư vấn.
4. Danh mục các dự án có quy mô tương tự mà tổ chức tư vấn hoặc các chuyên gia tư vấn chính đã thực hiện.
5. Danh mục trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác tư vấn của tổ chức đảm bảo đáp ứng cho hoạt động tư vấn.
6. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phát điện

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.
3. Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện theo Mẫu 7b tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản sao bằng tốt nghiệp và giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp cho người có tên trong danh sách theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành.

4. Bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư nhà máy điện của cấp có thẩm quyền.

5. Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền.

6. Bản sao Hợp đồng mua bán điện.

7. Danh mục các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và cam kết của chủ đầu tư thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật trong việc sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

8. Bản sao có chứng thực tài liệu về đảm bảo điều kiện phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

9. Bản sao quyết định phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa của cơ quan có thẩm quyền (đối với nhà máy thủy điện).

10. Bản sao biên bản nghiệm thu hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông; biên bản nghiệm thu hoàn thiện kết nối tín hiệu với hệ thống SCADA/EMS, SCADA/DMS của cấp điều độ có quyền điều khiển phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo quy định.

11. Bản sao biên bản nghiệm thu đập thủy điện, tuyến năng lượng; Bản đăng ký an toàn đập gửi cơ quan có thẩm quyền; phương án bảo đảm an toàn đập và bảo đảm an toàn vùng hạ du đập theo quy định; Báo cáo kết quả kiểm định đập (đối với đập thủy điện đã đến kỳ kiểm định).

12. Bản sao biên bản nghiệm thu cuối cùng hoặc văn bản xác nhận đảm bảo điều kiện vận hành thương mại cho từng tổ máy.

13. Bản sao Quy trình phối hợp vận hành nhà máy điện với Đơn vị Điều độ hệ thống điện.

14. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép thì hồ sơ chỉ bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép truyền tải điện, phân phối điện

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

3. Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành theo Mẫu 7b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản sao bằng tốt nghiệp, giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp cho người có tên trong danh sách theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành.